

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

**QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **10/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 27.02.2018

V/v “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Kinh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Sanh**

2. Ông **Lê Phú Cường**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Tuyết Nhung** - Cán bộ Tòa án.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên
tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên.

Ngày 27.02.2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu - thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 334/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02a/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thu Th** - Sinh năm 1993. Trú tại: Khu phố 9, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Q, (*có mặt*).

* Bị đơn: Anh **Trần Thanh T** - Sinh năm 1989. Địa chỉ: 586/19 đường Ô, phường N, quận H, thành phố Đ, (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án đề ngày 20.12.2017; bản tự khai ngày 15.01.2018; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị Thu Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Thanh T tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận H, thành phố Đ. Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống tại 586/19 đường Ô, phường N, quận H, thành phố Đ là nhà cha mẹ anh T. Đến năm 2015, giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên nhậu nhẹt, đi chơi với bạn bè đến tối khuya mới về nhà; không tôn trọng, nhiều lần xúc phạm và có hành vi bạo lực đối với chị. Mâu thuẫn trầm trọng hơn khi chị sinh em bé, anh T bỏ bê và không có trách nhiệm với gia đình. Quá bất mãn với cuộc sống hiện tại nên chị đã mang con về nhà cha mẹ để ở tại thành phố Đ, tỉnh Q từ năm 2016 và anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian này, anh T cũng như cha mẹ anh không liên lạc, hỏi thăm, và cấp dưỡng nuôi con. Sau khi chị nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng anh T nhiều lần điện thoại đe dọa chị và giành quyền được nuôi con. Mâu thuẫn gia đình nội ngoại hai bên đều biết, gia đình chị có đứng ra hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay, chị xác định không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng và kéo dài, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị xác định chị và anh T có 01 con chung tên là Trần Ngọc Linh Đ - Sinh ngày 09.10.2014. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Vì chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho cháu Linh Đ từ đó cho đến nay,

đảm bảo nuôi dưỡng cháu cả về vật chất lẫn tinh thần, anh T không có trách nhiệm với gia đình.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Th xác định chị và anh T không có tài sản chung, không nợ của ai và không ai nợ anh chị.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ anh Trần Thanh T nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể lấy lời khai của anh cũng như không thể tiến hành hòa giải và công khai chứng cứ theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án: Thẩm phán, thư ký cũng như Hội đồng xét xử đó tuân thủ nghiêm túc các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án. Những người tham gia tố tụng đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự khi tham gia giải quyết vụ án và đề nghị HĐXX xem xét cho chị Thảo được ly hôn với anh T vì mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng. Về con chung đề nghị HĐXX xem xét điều kiện hoàn cảnh thực tế cần thiết giao con chung Trần Ngọc Linh Đ - Sinh ngày 09.10.2014 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh T tự nguyện kết hôn vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận H, thành phố Đ. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ vào lời trình bày của chị Th và kết quả xác minh tại địa phương đã thể hiện: Trong quá trình chung sống, giữa chị Th và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không khắc phục được. Nguyên nhân theo chị Th trình bày là do vấn đề kinh tế, anh T không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên nhậu nhẹt, chơi bời với bạn bè về nhà trễ; không có trách nhiệm với gia đình; không tôn trọng, nhiều lần xúc phạm, có hành vi bạo lực đối với chị. Chị Th đã đưa con về Q sống từ năm 2015 và anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay nhưng anh T không liên lạc hỏi thăm, và cấp dưỡng nuôi con. Mặc khác, việc anh T không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng đã thể hiện anh T không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị Th và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Th đối với anh T, xử cho chị Th được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Lê Thị Thu Th và anh Trần Thanh T có 01 con chung tên là Trần Ngọc Linh Đ - Sinh ngày 09.10.2014. Chị Th yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét anh T không có nguyện vọng nuôi con, chị Th tự nguyện nuôi con. Căn cứ vào các tài liệu chị Th cung cấp thể hiện: cháu Trần Ngọc Linh Đ đang cư trú ổn định cùng mẹ là chị Th tại địa chỉ khu phố 9, thành phố Đ, tỉnh Q (đơn xin xác nhận tại Ban chỉ huy Công an phường 5, thành phố Đ ngày 18.01.2018). Cháu Đ hiện nay đang theo học tại trường Mầm non Sơn Ca (05 Trần Cao V, khu phố 9, phường 5, thành phố Đ. Chị Thảo có nghề nghiệp và mức thu nhập ổn định (đơn xin xác nhận ngày 18.01.2018 tại

UBND phường 5, thành phố Đ, tỉnh Q) nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình xử giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, tránh ảnh hưởng cuộc sống hiện tại của cháu.

Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Th và anh T không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của họ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ước tính phí hôn nhân vụ gia đình thêm lệ 300.000 đồng chị Lê Thị Thu Th phải chịu.

Văn bản này, văn bản,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng Điều 199, khoản 4 Điều 131, Điều 243 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của **chị Lê Thị Thu Th** đối với anh **Trần Thanh T**.

** Về quan hệ hôn nhân:*

Xử: Cho chị Lê Thị Thu Th được ly hôn với anh Trần Thanh T.

** Về con chung:*

Xử: Giao con chung Trần Ngọc Linh Đ - Sinh ngày 09.10.2014 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, các bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

* Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Thu Th và anh Trần Thanh T không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Lê Thị Thu Th phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số 1176 ngày 25.12.2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu. Chị Th đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trên hìp bñn ,n ðíc thi hñnh theo quy ðñnh tñi şiÒu 2 LuËt Thi hñnh ,n dñn sù thx ngêi ðíc thi hñnh ,n dñn sù, ngêi phñi thi hñnh ,n dñn sù cũ quyÒn tháa thuËn thi hñnh ,n, quyÒn yau cçu thi hñnh ,n, tù nguyÕn thi hñnh ,n hoÆc bñ còng chÕ thi hñnh ,n theo quy ðñnh tñi cçc ðiÒu 6, 7 vµ 9 LuËt Thi hñnh ,n dñn sù; thêi hiÕu thi hñnh ,n ðíc thùc hiÕn theo quy ðñnh tñi şiÒu 30 LuËt thi hñnh ,n dñn sù.

Nñi nhËn:

XĐT Xö

- Cçc ðñng sù;

Chñ tãa phiñn tãa

- VKSND. quËn Hñi Chñu;

- UBND p. N;

- Lu hñ sñ.

TM. Húi şàng

Thêm phñn -

Kinh Luân

Thêm phần -

- VKSND. quĒn Hŕi Ch©u;
- UBND p. Nam Dương;
- Lu hă s¬.

Kinh Luân

Đặng Ngọc